

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Số: 05/2023/TB/HFC-UQCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Công ty: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC
- Mã chứng khoán: HFC
- Địa chỉ trụ sở Công ty: Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 397 80731 Fax: 024 3978 2341
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Hồng Ngọc
- Địa chỉ:
- Điện thoại di động: 0967400602

Loại thông tin công bố : Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC công bố thông tin về việc sửa đổi, bổ sung chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (*Sửa đổi Quy chế làm việc*).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Người ~~phụ~~ trách công bố thông tin



Nguyễn Thị Hồng Ngọc

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
(Điều chỉnh, bổ sung ngày 27/04/2023)

Tháng 4 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Thời gian bắt đầu : 8h00 Thứ sáu, ngày 28/04/2023

Địa điểm tổ chức : Hội trường Tầng 11, tòa nhà số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Từ 7h30	Đăng ký đại biểu dự họp;	Ban tổ chức
8h15 – 8h40	Ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; Khai mạc Đại hội, Giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu;	Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu MC
	Chương trình, Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội. Biểu quyết: Chương trình, Quy chế biểu quyết tại ĐH;	Trưởng Ban Kiểm soát
8h40 - 9h00	1. Trình bày Báo cáo của TGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023; và Tờ trình thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023.	Tổng giám đốc
	2. Trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và KQ hoạt động của HĐQT năm 2022 và Kế hoạch năm 2023;	Chủ tịch HĐQT
	3. Trình bày Báo cáo của BKS về kết quả tự đánh giá và giám sát năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023;	Trưởng Ban kiểm soát
9h00– 9h30	HĐQT trình bày các tờ trình sau: 4. Tờ trình thông qua báo cáo Ban TGD, HĐQT, BKS; 5. Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; 6. Tờ trình phương án sử dụng lợi nhuận năm 2022, tỉ lệ chia cổ tức năm 2022 và dự kiến năm 2023; 7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; 8. Tờ trình thủ lao của HĐQT, BKS năm 2023; 9. Tờ trình hợp đồng với người liên quan; 10. Tờ trình miễn nhiệm và đề cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát; 11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 12. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty 13. Tờ trình chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ	HĐQT

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
9h30 – 10h00	Thảo luận	Chủ Tọa
10h00 - 10h20	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu; Hướng dẫn biểu quyết; Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
	Hướng dẫn bầu cử; Đại hội tiến hành biểu quyết và bầu cử	Ban kiểm phiếu
10h20-10h45	Nghỉ giải lao	
10h45 - 11h00	Công bố kết quả kiểm phiếu và ra mắt thành viên Ban Kiểm soát mới	Ban kiểm phiếu
11h00 - 11h05	Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký đại hội
11h05 - 11h15	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Chủ tọa
11h15 - 11h20	Bế mạc đại hội	Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2023

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC công bố Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“HFC”) như sau:

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Tất cả các cổ đông và người được cổ đông ủy quyền tham dự họp lệ, khách mời Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (HFC) đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và quy định về việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 3. Điều kiện và cách thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có sự tham dự của số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, Người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được gửi trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 4. Điều kiện tham dự đại hội

Các cổ đông của HFC theo danh sách chốt ngày 29/03/2023 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của cổ đông tham dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện tham dự.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Tham dự Đại hội và thực hiện biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Quy chế này và các hướng dẫn trên website: <https://hanoifuel.com.vn>.

- Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

- Có quyền tiến hành biểu quyết thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có trong Chương trình Đại hội.

- Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận tại Đại hội theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

- Tuân thủ sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

- Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác để Ban Tổ chức đại hội gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu đại hội. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký. Trường hợp cần điều chỉnh thông tin hay hướng dẫn, cổ đông liên hệ Ban tổ chức đại hội theo số điện thoại đã được ghi trên Thư mời họp/Thông báo mời họp.

- Cổ đông đến tham dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các vấn đề biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Ban Tổ chức đại hội

1. Ban Tổ chức đại hội là cơ quan do Hội đồng quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban Tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Ban Tổ chức đại hội có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.

b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội, bỏ phiếu biểu quyết và bầu cử.

c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội.

d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban Tổ chức đại hội. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

2. Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông có trách nhiệm:

a. Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động HFC và Quy chế này.

b. Báo cáo trước Đại hội về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.

Điều 8. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội;

- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Quyền của Đoàn Chủ tịch:

- Đoàn Chủ tịch có quyền thực hiện các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp;

- Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

- Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Ban Thư ký

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp. Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

1. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội và gửi cho Đoàn Chủ tịch.

2. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của Đại hội trực tuyến và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội

3. Soạn thảo Biên bản và Nghị quyết đề đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.

4. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

Điều 10. Ban Kiểm phiếu

Chủ tọa giới thiệu thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.
2. Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử;
3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện bằng văn bản và theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, theo đó:

a. Cổ đông cá nhân có thể ủy quyền cho một (01) cá nhân khác dự họp và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho cá nhân đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

b. Trường hợp Cổ đông là tổ chức nhưng chưa có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều lệ có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho tối đa ba (03) người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu tại đại hội. Trường hợp cổ đông Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a. Giấy ủy quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được in ra, có đầy đủ chữ ký tươi, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.

b. Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản gốc gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

3. Việc bên ủy quyền hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu đại diện nhận ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình họp đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Chương trình nghị sự

1. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Công ty phải tiến hành công bố thông tin về việc bổ sung chương trình và nội dung họp theo đúng quy định của Pháp luật. Cổ đông có trách nhiệm theo dõi việc thay đổi, bổ sung chương trình họp và các tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo thông báo của công ty. Công ty không chịu trách nhiệm nếu cổ đông không cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến việc chỉnh sửa nội dung chương trình họp

Điều 13. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết

a. Tất cả các vấn đề tại báo cáo, tờ trình trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.

b. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được HFC in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

c. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: thông qua Ban kiểm phiếu; Chương trình họp; Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử (bổ sung) thành viên Ban kiểm soát; Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có) theo sự điều hành của chủ tọa;
- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi đại biểu.

2. Cách thức biểu quyết

a. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b. Biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết quá một (01) lần trong tổng số ba (03) lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến, Không hợp lệ.

c. Biểu quyết bằng phương thức bỏ Phiếu biểu quyết:

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung biểu quyết, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết.
- Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- Trường hợp Đại biểu hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu Biểu Quyết kết thúc vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi Đại biểu đó đăng ký đại biểu nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

3. Phiếu biểu quyết hợp lệ

a. Phiếu do Ban tổ chức phát ra.

b. Không có gạch xóa, cạo, sửa chữa, rách nát... không ghi thêm nội dung biểu quyết nào khác.

c. Khi có bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ, phiếu được ghi tay theo đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết theo yêu cầu của Ban tổ chức.

d. Ký và ghi đầy đủ họ tên của Đại biểu tham dự.

e. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô biểu quyết của nội dung đó. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ (nội dung biểu quyết mà đại biểu không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó).

f. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ

a. Phiếu biểu quyết không phải do Ban tổ chức phát ra

b. Phiếu biểu quyết không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;

c. Phiếu biểu quyết rách, nát hoặc bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết không đúng quy định;

d. Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ.

5. Thẻ lệ bầu cử

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử (bổ sung) thành viên Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ Công ty.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 luật doanh nghiệp năm 2020; cụ thể như sau:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 luật doanh nghiệp năm 2020.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực, hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trang công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội.

3. Cổ đông đưa nội dung thảo luận cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận; sẽ truất quyền tham dự Đại hội khi cổ đông cố tình không chấp hành các quy định của Đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

4. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được HFC tiếp tục trả lời cho cổ đông theo hình thức phù hợp.

Điều 16. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 17. Các sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc các sự cố kỹ thuật khác, dịch bệnh, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và/hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác... Công ty huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm phát sinh sự cố.

2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể tiếp tục diễn ra trong thời gian 60 phút kể từ thời điểm phát sinh sự cố, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất nhưng tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

CHƯƠNG III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bao gồm 17 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA
NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC quy định Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

1. Bầu cử đúng luật, đúng Điều lệ hiện hành của công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

3. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên BKS

1. Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung là 01 thành viên.

2. Thành viên BKS phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và Điều 46 Điều lệ Công ty, cụ thể:

a. Là công dân Việt Nam, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

e. Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 4. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên BKS

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến 100% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào BKS.

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào BKS gồm:

1. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS (theo mẫu đính kèm);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
3. Biên bản họp nhóm “nếu nhóm cổ đông đề cử” (theo mẫu đính kèm);
4. Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định (theo mẫu đính kèm).

Người đề cử/ứng cử vào BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **17h00 giờ, ngày 24/04/2023** về Công ty cổ phần Xăng dầu HFC:

Địa chỉ: Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3978 0731 - Fax: (84-24) 3978 2341

Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Thư ký HĐQT (*Email: ngoc_nth@hanoifuel.com.vn*)

Điều 6. Danh sách ứng viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Danh sách ứng cử viên BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu cử.

Điều 7. Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu cử bổ sung thành viên BKS được thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

2. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của BKS;

3. Cổ đông có thể sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một ứng cử viên.

4. Phiếu bầu không hợp lệ:
 - a. Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức phát ra
 - b. Phiếu bầu cử không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
 - c. Phiếu bầu cử rách, nát hoặc bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung bầu cử không đúng quy định;
 - d. Phiếu bầu cử không hợp lệ theo quy định tại Phụ lục đính kèm

Điều 8. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên BKS.

1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu

Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

2. Nguyên tắc trúng cử vào BKS

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này;
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên nào sở hữu số cổ phần nhiều hơn sẽ là người trúng cử;
- Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số lượng thành viên BKS đã được Đại hội thông qua thì tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Nếu sau lần bầu cử lần 2 mà vẫn chưa đủ thì việc có tiếp tục bầu nữa hay không do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 9. Giải quyết khiếu nại

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.

2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 10 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU
(ÁP DỤNG CHO BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BKS)

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên BKS trong tổng số các ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(1.000 \times 1) = 1.000 \text{ quyền biểu quyết.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu đôn phiếu theo phương thức sau:

Dồn 1.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên thành viên BKS.

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không phải do Ban tổ chức phát ra.
- Tổng quyền biểu quyết cho ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 1.000 quyền biểu quyết.
- Số ứng viên cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 01 người.
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế này.

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP XĂNG DẦU HFC

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu HFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Xăng dầu HFC xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 và kế hoạch 2023 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

- Công ty đã tập trung tăng trưởng sản lượng bán lẻ trên toàn hệ thống HFC
- Cơ cấu lại nguồn nhân lực nhằm tăng cường tư duy, động lực và tăng năng suất lao động.
- Tái cơ cấu các công ty con, các đơn vị nhằm để giảm thiểu những ảnh hưởng bởi quy định không có lợi cho Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động 6 tháng, 9 tháng trong các cuộc họp, qua email tới Hội đồng quản trị;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Đánh giá chung

- Năm 2022, Ban Điều hành (BDH) công ty cùng với các quản lý cấp trung đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty, điều chỉnh, thay đổi cách thức kinh doanh để phù hợp với những biến động và khó khăn của ngành kinh doanh xăng dầu trong năm 2022.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao Ban Điều hành trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty, bắt nhịp ngay với những thay đổi về chủ trương của chính phủ để có những chính sách và kế hoạch triển khai phù hợp.
- Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC bổ nhiệm kỳ 05 năm 2021 – 2026 ngày 28/4/2022, có 05 thành viên gồm: trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT điều hành

Từ 01/05/2022 đến hết 31/12/2022, có 05 thành viên gồm: trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, 01 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Doãn Đức Liêm	Chủ tịch HĐQT (độc lập)
2	Ông Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT điều hành

2. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết, quyết định:

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 cuộc họp hội đồng quản trị và ban hành 19 Nghị quyết và các quyết định liên quan đến triển khai nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 trong công tác điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đều được thống nhất, đồng thuận 100% của các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra...

4. Báo cáo thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

❖ Các công việc đã thực hiện:

- *Về hoạt động kinh doanh:* Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các nội dung sau:
 - + Công ty tập trung cho mảng bán lẻ để gia tăng dòng tiền, giảm tuổi nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh
 - + Xây dựng chính sách bán hàng ưu tiên bán hàng trả trước, chỉ áp dụng bán hàng trả sau đối với khách hàng có bảo lãnh hoặc đặt cọc 100% giá trị tiền hàng.
 - + Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, thu hồi vốn cho công ty; xem xét trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến phát sinh công nợ;
 - + Rà soát lập dự án kinh doanh bất động sản để trợ giúp hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- *Về Công tác tái cấu trúc Công ty – công tác tổ chức – lao động:* Chỉ đạo Ban điều hành triển khai việc tái cơ cấu công ty, tinh gọn bộ máy hoạt động như sau:
 - + Thành lập văn phòng công ty trên cơ sở sáp nhập Ban Hành chính nhân sự và Ban Kỹ thuật dự án
 - + Giải thể Xí nghiệp bán lẻ số 1, Công ty trực tiếp quản lý các cửa hàng bán lẻ
 - + Giải thể Xí nghiệp bán lẻ số 2 và sáp nhập vào Ban Kinh doanh
 - + Hoàn thiện thủ tục chấm dứt hoạt động Chi nhánh Nghệ An, thay đổi Giám đốc chi nhánh Hải Phòng.
- *Các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng chưa thực hiện:*

Cơ cấu lại tài sản để tăng năng lực tài chính cho công ty: do tình hình thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, HĐQT công ty vẫn chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp để cơ cấu lại tài sản theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

5. Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2022 như sau:

Tổng mức thù lao	Kế hoạch 2022	Báo cáo thực hiện năm 2022
Hội đồng Quản trị	528.172.267 đồng	530.165.600 đồng

Thù lao của các thành viên HĐQT bao gồm lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và thù lao của các TV HĐQT. Mức thù lao trên được chi trả đúng theo quy định của pháp luật và quy chế lương hiện hành của công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Mục tiêu

- Tập trung ưu tiên cho mảng bán lẻ để gia tăng dòng tiền, giảm tuổi nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cửa hàng bán lẻ. Các biện pháp cụ thể hướng đến nâng cao chất lượng lao động; hợp lý hóa cơ cấu và cải thiện chế độ người lao động; cải tạo cơ sở vật chất, hiệu chỉnh luồng tuyến, tăng sự thuận lợi cho khách hàng;
- Tập trung khai thác nguồn lực tài chính để tận dụng tối đa các cơ hội điều chỉnh giá và chiết khấu để kịp thời có chính sách mua hàng nhằm giảm giá vốn, thực hiện mục tiêu lãi gộp.
- Cơ cấu lại tình hình tài chính công ty để tăng năng lực tài chính, tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo Công ty không mất cân đối tài chính.

2. Định hướng thực hiện

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Danh mục	Thực hiện năm 2022		Kế hoạch năm 2023		% KH2023 TH2022
		Thực hiện	Đơn giá/ lít	Thực hiện	Đơn giá/ lít	
I	DOANH THU					
1	Sản lượng (m ³)	97.052		106.543		110%
2	Chiết khấu giữ lại (đồng)	792		1.196		150%
3	Doanh thu (tr.đ)	2.223.107		2.450.496		110%
4	Giá vốn hàng bán	2.146.272		2.326.086		108%
5	Tổng Lợi nhuận gộp	76.835		124.835		162%
6	Lợi nhuận gộp xăng dầu	69.944		117.151		167%
7	Cho thuê BĐS và khác	6.890		7.684		112%

II	CHI PHÍ	89.279	920	112.218	1,053	126%
1	CP cố định và hoạt động thường xuyên	24.200	249	29.031	272	120%
2	Chi trả NLD	36.134	372	39.698	373	110%
3	Lãi vay	12.663	130	20.938	197	165%
4	Chi phí Marketing	5.355	55	7.635	72	143%
5	Chi phí vận chuyển	10.925	113	14.916	140	137%
III	CHI PHÍ LIÊN DOANH LIÊN KẾT	3.015	31	3.015	28	100%
IV	LN TRƯỚC THUẾ	(15.459)	-159	9.600	90	

2.2. Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành

- Định hướng bán hàng hướng tới hiệu quả thay vì hướng tới sản lượng, năm 2022 Công ty đặt mục tiêu kế hoạch sản lượng tăng 10%, mục tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 là 9,6 tỷ đồng.
- Gắn trách nhiệm của cá nhân với việc thực hiện các chính sách bán hàng, đặc biệt là trách nhiệm với các khoản nợ phát sinh mới do trách nhiệm của các cá nhân.
- Đẩy mạnh thu hồi công nợ cũ thông qua các đơn vị dịch vụ và tư vấn pháp lý;
- Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm gia tăng dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời trích lập chi phí dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ xấu;
- Tìm kiếm, huy động các nguồn vốn mới để đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động theo hướng giảm đầu mỗi quản lý; giảm tỷ lệ lao động gián tiếp/ trực tiếp; nâng cao hiệu suất lao động;
- Thực hiện chính sách tiền lương theo cơ chế thị trường, gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả kinh doanh của Công ty;

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC trong năm 2022 và kế hoạch 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
Vv: Kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Bối cảnh kinh doanh năm 2022:

Năm 2022 là một năm dị biệt đối với thị trường xăng dầu thế giới cũng như trong nước. Ảnh hưởng của chiến tranh Nga – Ukraine cùng các biện pháp trừng phạt giữa Phương Tây và Nga đã dẫn đến sự đổ vỡ trong các mối quan hệ cung cấp dầu khí vốn đã tồn tại trong nhiều thập niên tại Châu Âu. Điều này đã tạo nên sự chuyển dịch về cơ cấu năng lượng từ khí Gas sang dầu, tạo áp lực nặng nề lên nguồn cung dầu khí toàn cầu.

Tại thị trường trong nước, nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đã giảm công suất sản xuất xuống 85%, 60% và 55%, có thời điểm ngừng sản xuất do sự cố kỹ thuật dẫn việc không cung cấp đủ nguồn cung xăng dầu cho thị trường theo cam kết. Nguồn xăng dầu nhập khẩu gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu thế giới tăng mạnh và nguồn cung khan hiếm. Chiết khấu tại kho nguồn tại nhiều thời điểm xuống 0đ/lít và công ty phải bù thêm cước vận chuyển làm cho mức chiết khấu bình quân của Công ty giảm xuống nghiêm trọng.

Tương tự, thị trường dầu mỡ nhờn biến động phức tạp khi giá dầu vào tăng cao so với năm 2021, trong bối cảnh kinh tế trong nước khó khăn. Cùng với việc gia tăng áp lực cạnh tranh từ các nguồn hàng khác đã làm gia tăng áp lực đến hoạt động bán hàng dầu mỡ nhờn. Do vậy, sản lượng bán hàng và lợi nhuận sụt giảm mạnh.

Trước những khó khăn trên, toàn công ty đã nỗ lực tìm mọi cách khắc phục khó khăn, giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh để giữ thị trường và phục vụ xã hội.

Mặc dù không đạt kết quả như kế hoạch đề ra, nhưng tính đến cuối năm 2022 và tính tới thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty đã cơ bản vượt qua thời kỳ khó khăn nhất và tạo nền tảng cho những năm tiếp theo.

Dưới đây là kết quả kinh doanh và các giải pháp chính công ty đã thực hiện năm 2022:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Bảng chỉ tiêu tổng hợp kết quả kinh doanh

DVT: Tr.đ

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH 2022
I	Doanh thu				
1	Sản lượng (m3)	94.269	96.009	97.052	101%
2	Doanh thu bán hàng	1.515.835	2.322.300	2.223.107	96%
3	Giá vốn hàng bán	1.420.146	2.220.740	2.146.272	97%
4	Tổng Lợi nhuận gộp	95.689	101.561	76.835	76%
5	Lợi nhuận gộp xăng dầu	89.826	97.335	69.944	72%
6	Thu nhập từ cho thuê BĐS và khác	5.863	4.226	6.890	163%
II	Chi phí	89.345	91.667	89.279	97%
1	CP cố định và hoạt động thường xuyên	31.385	30.889	24.200	78%
2	Chi trả NLD	33.301	36.096	36.134	100%
3	Lãi vay	10.326	9.906	12.663	128%
4	Chi phí Marketing	5.693	7.043	5.355	76%
5	Chi phí vận chuyển	8.640	7.733	10.925	141%
III	Chi phí liên doanh liên kết	3.090	3.090	3.015	98%
IV	Lợi nhuận trước thuế	3.254	6.803	(15.459)	-227%

2. Biểu sản lượng bán hàng xăng dầu

DVT: m3

STT	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% TH/KH 2022
1	Hệ thống cửa hàng bán lẻ	47.144	53.624	55.843	104,1%
2	Khối Bus	16.701	22.427	24.364	108,6%
3	CN Hải Phòng	9.465	9.155	8.207	89,6%
4	CN Nghệ An (đã đóng cửa)	2.501			
5	Bán buôn	18.459	10.803	8.638	80%
	Tổng	94.269	96.009	97.052	101%

3. Các giải pháp Công ty đã thực hiện

Ngay từ khi đặt kế hoạch, Công ty đã đặt trọng tâm là nâng cao tỷ trọng bán lẻ do xác định bán lẻ là lợi thế của Công ty, đồng thời là lĩnh vực đem lại lợi nhuận chính cho công ty. Trong năm, Công ty đã chủ động điều chỉnh chính sách bán hàng theo hướng ưu tiên bán hàng trả trước hoặc đặt cọc 100% giá trị, chi bán hàng công nợ đối với khách hàng có bảo lãnh thanh toán hoặc có tài sản đảm bảo. Đối với khách hàng khối Bus, Công ty đã thực hiện đàm phán ký kết lại hợp đồng cung ứng hàng hóa theo hướng giảm ngắn tuổi nợ xuống còn 40 đến 45 ngày.

Sau dịch Covid-19, các hoạt động xã hội dần trở lại ổn định, nhu cầu đi lại của người dân dần tăng lên, tần suất hoạt động của các phương tiện vận tải hành khách công cộng dần phục hồi giúp sản lượng bán lẻ và sản lượng cung ứng cho vận tải công cộng tăng cao so với năm 2021. Tính cả năm 2022, sản lượng toàn công ty đạt 97.052 m³, tương đương 101% kế hoạch và bằng 103% so với năm 2021. Riêng sản lượng bán lẻ đạt 55.843 m³, tương đương 101% kế hoạch và bằng 118,5% so với năm 2021, sản lượng bán lẻ chiếm 66% trên tổng sản lượng; Sản lượng phục vụ khối vận tải công cộng đạt 24.364 m³, tương đương 108,6% kế hoạch và bằng 145,9% so với năm 2021; sản lượng cấp Bus chiếm 25% trên tổng sản lượng; Với chính sách bán hàng tập trung cho bán lẻ, năm 2022 sản lượng bán buôn đạt 8.638 m³, tương đương 80% kế hoạch và bằng 46,8% so với năm 2021; Sản lượng bán buôn chiếm 9,1% trên tổng sản lượng toàn Công ty.

Tuy sản lượng bán hàng tăng, nhưng tình hình thị trường xăng dầu quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, nguồn cung khan hiếm. Chiết khấu tại kho nguồn xuống thấp, có thời điểm xuống 0đ/lít và công ty phải bù cước vận chuyển, dẫn tới tình trạng mua hàng về cửa hàng đã lỗ, nhưng công ty vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động bán hàng để đảm bảo an ninh năng lượng trên địa bàn Hà Nội và duy trì được giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu.

Trước những khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực các biện pháp tiết giảm chi phí bằng các biện pháp như sau:

- Tái cơ cấu lại bộ máy quản lý của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả:
 - + Thực hiện thủ tục chuyển đổi đăng ký ngành nghề kinh doanh và đổi tên Công ty TNHH dịch vụ HFC thành Công ty TNHH Thái Minh Petro – trở thành đại lý của HFC. Việc chuyển đổi này giúp công ty chủ động hơn về hệ thống đại lý, giảm công nợ phải thu do các đại lý chiếm dụng vốn, giảm chi phí tài chính.
 - + Giải thể Xi nghiệp bán lẻ số 1, Xi nghiệp bán lẻ số 2 để giảm đầu mối quản lý đối với các cửa hàng và hoạt động phục vụ khối vận tải công cộng.
 - + Sáp nhập ban Kỹ thuật dự án và Hành chính nhân sự thành Văn phòng Công ty
 - + Tinh gọn bộ máy: Tính tới ngày 31/12/2022 tổng số lao động toàn Công ty là 235 lao động, giảm 22 người so với cùng kỳ năm 2021.
 - + Quản lý chặt các chi phí marketing: cắt giảm chi phí tại các hợp đồng kém hiệu quả.
- Tăng cường thu nợ và hạn chế bán hàng công nợ nhằm giảm chi phí tài chính: Tính tới 31/12/2022, công nợ phải trả của toàn Công ty là 179,7 tỷ đồng, giảm 3,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 trong điều kiện sản lượng bán lẻ và sản lượng khối vận tải công cộng tăng mạnh so với năm 2021;

Kết quả là tổng chi phí của Công ty thực hiện ở mức 97% so với kế hoạch, bằng 99,85 % so với thực hiện năm 2021 (mặc dù chi phí lãi vay tăng vượt 28% so với kế hoạch).

II. KẾ HOẠCH NĂM 2023

Năm 2023, thị trường cung ứng xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp, do ảnh hưởng chiến tranh Nga - Ukraine và những bất ổn chính trị giữa quan hệ Nga và các nước phương Tây. Tại thị trường trong nước, tình hình thị trường còn nhiều khó khăn, đặc biệt về nguồn mua hàng với chiết khấu thấp và khan nguồn sẽ là áp lực cho công ty trong việc thực hiện mục tiêu về chiết khấu cũng như tổng lợi nhuận gộp xăng dầu.

Về chính sách điều hành của Nhà nước: trước tình hình dị biệt của thị trường xăng dầu năm 2022, cho đến nay chính phủ và các bộ/ngành chưa có chính sách tháo gỡ tổng thể mà tập trung nhiều vào công tác thanh tra/kiểm tra. Do vậy có thể dẫn tới nhiều công tác báo cáo, tiếp đoàn nên ảnh hưởng tới hiệu quả công tác điều hành.

Về lĩnh vực sản phẩm phụ trợ: Trong năm 2023, thị trường Dầu mỡ nhờn vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do áp lực lớn về giá dầu vào liên tục tăng cao, trong khi các khách hàng tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm mạnh chi phí nhằm giảm bớt khó khăn trong hoạt động, sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp khác.

Về lĩnh vực cho thuê bất động sản, Công ty đánh giá thị trường sẽ dần được tháo gỡ khó khăn do các hoạt động kinh tế xã hội dần phục hồi. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh dịch vụ vẫn cần thời gian để hồi phục nên dự báo sẽ chỉ cải thiện một phần so với năm 2022.

Với sự quyết tâm vượt khó của toàn Công ty, Ban giám đốc đã xây dựng bản kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Bảng chỉ tiêu kế hoạch tổng hợp

ĐVT: Tr. đ

STT	Danh mục	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	KH năm 2023	% <u>KH2023</u> <u>TH2022</u>
I	DOANH THU				
1	Sản lượng (m3)	94.269	97.052	106.543	110%
2	Doanh thu	1.515.835	2.223.107	2.450.496	110%
3	Giá vốn hàng bán	1.420.146	2.146.272	2.326.086	108%
4	Tổng Lợi nhuận gộp	95.689	76.835	124.835	162%
5	Lợi nhuận gộp xăng dầu	89.826	69.944	117.151	167%
6	Thu nhập từ cho thuê BĐS và khác	5.863	6.890	7.684	112%
II	CHI PHÍ	89.345	89.279	112.218	126%
1	CP cố định và hoạt động thường xuyên	31.385	24.200	29.031	120%
2	Chi trả NLD	33.301	36.134	39.698	110%
3	Lãi vay	10.326	12.663	20.938	165%
4	Chi phí Marketing	5.693	5.355	7.635	143%
5	Chi phí vận chuyên	8.640	10.925	14.916	137%
III	CHI PHÍ LIÊN DOANH LIÊN KẾT	3.090	3.015	3.015	100%
IV	LN TRƯỚC THUẾ	3.254	(15.459)	9.600	

2. Bảng kế hoạch sản lượng bán hàng xăng dầu:

ĐVT: m3

STT	Đơn vị	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH 2023 TH 2022
1	Hệ thống cửa hàng bán lẻ	47,144	55.843	58.678	105%
2	Cấp buýt	16,701	24.364	27.403	112%
3	CNHP	9,465	8.207	9.170	112%
4	Bán buôn	18,459	8.638	11.292	131%
5	CN Nghệ An (đã dừng)	2,501		-	-
	Tổng	94,269	97.052	106.543	110%

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Về kinh doanh xăng dầu:

- Năm 2023, Công ty xác định tập trung ưu tiên cho hoạt động bán lẻ để gia tăng dòng tiền, giảm tuổi nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mục tiêu sản lượng bán lẻ tăng 10% so với năm 2022. Do vậy, Công ty sẽ ưu tiên tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cửa hàng bán lẻ. Các biện pháp cụ thể hướng đến nâng cao chất lượng lao động; hợp lý hóa cơ cấu và cải thiện chế độ người lao động; cải tạo cơ sở vật chất, hiệu chỉnh luồng tuyến, tăng sự thuận lợi cho khách hàng;
- Về chính sách bán hàng, Công ty ưu tiên khách hàng thanh toán trước, chỉ bán hàng tín chấp cho khách hàng có bảo lãnh thanh toán. Mặt khác, sau dịch Covid-19 các hoạt động kinh tế, xã hội dần đi vào ổn định, tần suất hoạt động của các phương tiện công cộng cũng tăng dần góp phần gia tăng sản lượng tiêu thụ cho khối Bus. Đối với khối khách hàng bán buôn, công ty cũng thực hiện chính sách bán hàng ưu tiên cho khách hàng trả trước và tăng cường khai thác khối khách hàng tiêu dùng công nghiệp, khách sạn để tăng sản lượng tiêu thụ.
- Về mua hàng: Công ty sẽ tập trung khai thác nguồn lực tài chính để tận dụng tối đa các cơ hội điều chỉnh giá và chiết khấu để kịp thời có chính sách mua hàng nhằm giảm giá vốn, thực hiện mục tiêu lãi gộp.

Về lĩnh vực cho thuê bất động sản và kinh doanh khác

- Bám sát tình hình thị trường để tìm kiếm, lựa chọn khách hàng phù hợp, từ đó áp dụng chính sách giá hợp lý, phù hợp với từng thời điểm, từng khách hàng nhằm phù hợp các địa điểm đất công ty đang quản lý.
- Triển khai các hoạt động khai thác giá trị gia tăng tại hệ thống cửa hàng bán lẻ;

Về công tác quản trị

- Gắn trách nhiệm của cá nhân với việc thực hiện các chính sách bán hàng, đặc biệt là trách nhiệm với các khoản nợ phát sinh mới do trách nhiệm của các cá nhân.

- Đẩy mạnh thu hồi công nợ cũ thông qua các đơn vị dịch vụ và tư vấn pháp lý;
- Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm gia tăng dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời trích lập chi phí dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ xấu;
- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức và lao động theo hướng giảm đầu mối quản lý; giảm tỷ lệ lao động gián tiếp/ trực tiếp; nâng cao hiệu suất lao động;
- Thực hiện chính sách tiền lương theo cơ chế thị trường, gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất chính sách bán cổ phần ưu đãi cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và lực lượng lao động chất lượng cao nhằm tăng sự gắn kết với Công ty.

Trân trọng báo cáo!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Yên

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty CP Xăng dầu HFC;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty CP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 về kết quả thẩm tra niên độ tài chính 2022 với các nội dung chính như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2022

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2022 của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2022 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2022.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính của Công ty năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.
4. Thủ lao của HDQT, Ban kiểm soát trong năm 2022:
 - a. Thủ lao Hội đồng quản trị:
 - Từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thủ lao (VNĐ)
1	Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HDQT	298.165.600
2	Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HDQT	16.000.000
3	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HDQT	16.000.000
4	Nguyễn Phi Thái	Thành viên HDQT	16.000.000
5	Trần Bá Hóa	Thành viên HDQT	16.000.000
6	Đậu Ngọc Nhân	Thư ký công ty	2.000.000
Tổng cộng			364.165.600

- Từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Doãn Đức Liêm	Chủ tịch HĐQT	40.000.000
2	Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT	32.000.000
3	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	32.000.000
4	Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT	32.000.000
5	Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT	32.000.000
6	Đậu Ngọc Nhân	Thư ký công ty	3.000.000
7	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thư ký công ty	4.000.000
Tổng cộng			175.000.000

Từ tháng 6/2021 đến tháng 5 năm 2022, Công ty thực hiện tách 2 chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc do vậy trong tổng thù lao của hội đồng quản trị 5 tháng đầu năm 2022 phát sinh nhiều hơn so với 7 tháng cuối năm, chủ yếu là tiền lương của chủ tịch HĐQT Công ty.

b. Thù lao Ban kiểm soát:

- Từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 4 năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Đình Quý	Trưởng BKS	8.000.000
2	Đậu Ngọc Nhân	Thành viên BKS	8.000.000
3	Phạm Thị Liên Hương	Thành viên BKS	8.000.000
Tổng cộng			24.000.000

- Từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Đình Quý	Trưởng BKS	32.000.000
2	Đậu Ngọc Nhân	Thành viên BKS	16.000.000
3	Nguyễn Thị Hoài Thu	Thành viên BKS	16.000.000
Tổng cộng			64.000.000

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

Qua số liệu được kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu trong báo cáo tài chính được đưa ra trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan. Những số liệu chính về tình hình tài chính hợp nhất đến 31/12/2022:

Một số thông tin trong báo cáo tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính	31/12/2022	31/12/2021	Tỷ lệ
I. Tổng tài sản	346,73	299,88	115,62%
1. Tài sản ngắn hạn	272,05	220,48	123,39%
2. Tài sản dài hạn	74,68	79,40	94,06%
II. Tổng nguồn vốn	346,73	299,88	115,62%
1. Nợ phải trả	285,89	225,13	126,99%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>282,36</i>	<i>222,97</i>	<i>126,64%</i>
2. Vốn chủ sở hữu	60,84	74,75	81,39%

Với số liệu như trên, BKS có nhận xét như sau:

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là **346,73** tỷ đồng, tăng 15,62% (tương đương khoảng 46,85 tỷ đồng) so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu là do các khoản phải trả tăng lên 60,76 tỷ đồng; trong đó nợ ngắn hạn tăng 59,39 tỷ đồng.

Chênh lệch giữa nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn năm 2022 là 10,31 tỷ, tăng 12,8 tỷ so với 2021.

Nợ phải trả tăng, chênh lệch giữa nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn tăng điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn; nguồn tiền sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay; Công ty cũng đang sử dụng nợ ngắn hạn để đầu tư tài sản dài hạn làm tăng nguy cơ mất cân đối tài chính của Công ty.

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 60,84 tỷ đồng, giảm 13,91 tỷ tương đương 18,61% so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chính là năm 2022 hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, lỗ từ hoạt động kinh doanh là 15,459 tỷ đồng.

Qua báo cáo tài chính của công ty ban kiểm soát đưa một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	0.95	0.96	-0.01
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.92	0.91	0.01

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.82	0.75	0.07
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	4.7	2.95	1.75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Số ngày các khoản phải thu	Ngày	12.32	16.3	-3.98
Số ngày hàng tồn kho	Ngày	2.23	3.05	-0.82
Số ngày các khoản phải trả	Ngày	10.4	13.3	-2.9
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	12.3	8.5	3.9
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	163.4	119.7	43.81
Chu kỳ sản xuất kinh doanh	Ngày	14.55	19.3	-4.75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-0.69%	0.32%	-1.01%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-25.4%	6.36%	-31.76%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	-4.45%	1.61%	-6.06%

Với các chỉ tiêu trên Ban Kiểm Soát có nhận xét như sau:

Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2022 giảm 0,01 lần so với năm 2021 nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn của Công ty tăng lên. Tỷ lệ giảm không lớn nhưng cũng thể hiện tình hình tài chính khó khăn của Công ty. Mặt khác, hệ số này vẫn nhỏ hơn 1 do vậy Công ty có thể gặp rủi ro về mất khả năng thanh toán.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2022 là 4,7 lần, tăng 1,75 lần so với năm 2021 (2,95 lần) điều này cho thấy mức độ độc lập về mặt tài chính của Công ty năm 2022 giảm mạnh so với năm 2021, tăng mức độ rủi ro về mất cân đối tài chính.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Số ngày các khoản phải thu năm 2022 là 12,32 ngày, giảm 3,98 ngày so với năm 2021 (16,3 ngày). Điều này ghi nhận những nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh chính sách bán hàng, hướng tới ưu tiên khách hàng thanh toán trước và giảm tuổi nợ phải thu. Bên cạnh đó, việc tập trung thu hồi nợ cũ làm cho tổng công nợ phải thu giảm xuống cũng là nguyên nhân giúp chỉ tiêu số ngày các khoản phải thu giảm.

Số ngày hàng tồn kho năm 2022 giảm 0,82 ngày từ 3,05 ngày năm 2021 xuống 2,23 ngày năm 2022 chủ yếu là do năm 2022 thị trường xăng dầu trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, nguồn cung khan hiếm, có thời điểm hàng mua không đủ bán do vậy lượng hàng tồn kho của Công ty liên tục ở mức thấp.

Số ngày các khoản phải trả của năm 2021 là 13,3 ngày; năm 2022 giảm 2,9 ngày xuống còn 10,4 ngày. Trong điều kiện dòng tiền kinh doanh gặp nhiều khó khăn, điều này cho thấy các nhà cung cấp ngày càng siết chặt tín dụng, hạn chế bán hàng nợ gây áp lực rất lớn về dòng tiền đối với Công ty.

Vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2022 là 12,3 vòng, tăng 3,9 vòng so với năm 2021 điều này cho thấy hiệu quả của việc Ban điều hành công ty thay đổi chính sách bán hàng ưu tiên bán hàng trả trước, bán hàng tiền mặt, hạn chế bán hàng tín chấp; bên cạnh đó việc tăng cường công tác thu hồi nợ cũ cũng góp phần giúp công ty quản lý công nợ khách hàng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tốt hơn nữa Ban điều hành Công ty cần tập trung nhiều công sức hơn cho Công tác thu hồi Công nợ, đặc biệt là các khoản nợ cũ để giảm áp lực về tài chính, giảm chi phí lãi vay.

Từ tất cả những nguyên nhân trên, chu kỳ kinh doanh năm 2022 đã giảm 4,75 ngày so với năm 2021. Điều này cho thấy tốc độ luân chuyển tiền vốn của Công ty đã được cải thiện đáng kể. Thời gian để 1 đồng tiền vốn của Công ty quay được 1 vòng từ khi mua hàng- bán hàng đến khi chuyển hóa thành tiền mặt là 14,55 ngày (năm 2021 là 19,3 ngày).

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Năm 2022, Ban Kiểm Soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng quản trị:

HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

HDQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra.

Các nghị quyết của HDQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HDQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

b. Ban Điều hành

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện và tuân thủ đúng pháp luật và các nghị quyết của HDQT

III. Kết luận và kiến nghị

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HDQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

Năm 2022, Ban KS kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty như sau:

Với hệ số nợ trên vốn chủ 4,7 lần là cao và rủi ro cho Công ty, vì vậy Công ty cần phải tập trung cho việc quản trị công nợ để thu hồi nợ, giảm hệ số nợ trên vốn chủ sở xuống về mức an toàn.

Đề nghị Ban điều hành Công ty rà soát toàn bộ hồ sơ Công nợ khách hàng, phân loại tuổi nợ, đánh giá khả năng thu hồi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ tài chính.

Xây dựng chính sách bán hàng đảm bảo an toàn vốn cho công ty và linh hoạt hơn.

Bên cạnh đó Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty cần tìm giải pháp cơ cấu lại tình hình tài chính của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để cải thiện tình hình tài chính Công ty, tránh tình trạng mất cân đối về tài chính khi Ngân hàng và khách hàng thắt chặt chính sách tín dụng.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2022.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN ĐÌNH QUÝ

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả tự đánh giá và giám sát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
3. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO**CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../2023/TTtr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG*Về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC**

Căn cứ:

- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);
- Báo cáo tài chính năm 2022 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 như sau:

STT	Danh mục	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% KH2023 TH2022
I	DOANH THU			
1	Sản lượng (m ³)	97,052.0	106,543	110%
2	Doanh thu	2,223,107,353,009	2,450,496,926,620	110%
3	Giá vốn hàng bán	2,146,272,037,879	2,326,086,002,762	108%
4	Tổng Lợi nhuận gộp	76,835,315,130	124,835,363,858	162%
5	Lợi nhuận gộp xăng dầu	69,944,705,573	117,151,260,018	167%
6	Thu nhập từ cho thuê BĐS và khác	6,890,609,557	7,684,103,840	105%
II	CHI PHÍ	89,279,127,942	112,219,169,058	126%
1	CP cố định và hoạt động thường xuyên	24,199,729,725	29,031,118,559	120%
2	Chi trả NLĐ	36,134,334,958	39,698,247,675	110%
3	Lãi vay	12,663,496,972	20,938,371,608	165%
4	Chi phí Marketing	5,355,869,321	7,635,388,739	143%
5	Chi phí vận chuyển	10,925,696,966	14,916,042,477	137%
III	CHI PHÍ LIÊN DOANH LIÊN KẾT	3.015.600.000	3.015.600.000	100%
IV	LN TRƯỚC THUẾ	(15,459,412,813)	9,600,594,800	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Doãn Đức Liêm**

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);
- Báo cáo tài chính năm 2022 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2022, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, ký ngày 28/03/2023.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TT/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 và dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);
- Báo cáo tài chính năm 2022 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Năm 2022 (ĐVT: VNĐ)
1. Lợi nhuận trước thuế 2022		-12.443.812.813
2. Chia lãi liên doanh liên kết		3.015.600.000
3. Thuế TNDN phải nộp 2022		0
Thuế TNDN hoãn lại		0
4. Lợi nhuận sau thuế 2022		-15.459.412.813
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước		-7.594.265.606
6. Tăng khác (thuế hoãn lại)		912.661.251
7. Dự kiến nguồn chia cổ tức (4+5+6)		-21.166.016.870

Đề nghị chia cổ tức	0%	
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
9. Lợi nhuận chuyển năm sau		-21.166.016.870

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chi trả cổ tức và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện.

II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022.

Căn cứ vào số lỗ lũy kế đến 31/12/2022 trên và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Hội đồng quản trị đề xuất không chi trả cổ tức và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC ("Điều lệ Công ty");
- Báo cáo tài chính năm 2022 của CTCP Xăng dầu HFC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung sau:

Căn cứ vào Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC năm 2023 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao trong năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao, tiền thưởng và ngân sách hoạt động năm 2023 cho của HĐQT và BKS Công ty như sau:

I. Tổng mức thù lao (Tr. Đồng)

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao 2022	Đề xuất thù lao 2023
Hội đồng quản trị	530.165.600	252.000.000
Ban kiểm soát	88.000.000	96.000.000
Thư ký và người quản trị công ty	10.000.000	24.000.000
Tổng số	628.165.600	372.000.000

❖ Ghi chú:

- Từ tháng 7/2021 đến tháng 5 năm 2022, Công ty thực hiện tách chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật về quản lý công ty đại chúng. Tại thời điểm đó, Công ty phân công Chủ tịch HĐQT làm việc ở chế độ chuyên trách. Do vậy phát sinh tăng khoản thù lao cố định hằng tháng cho chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách. Dự kiến, từ tháng 6/2022, Hội đồng quản trị sẽ phân công Chủ tịch HĐQT làm việc ở chế độ kiêm nhiệm. Do vậy, từ tháng 6/2022, toàn bộ thành viên HĐQT chỉ hưởng thù lao kiêm nhiệm.

- Toàn bộ Ban kiểm soát, thư ký công ty và người quản trị công ty làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chỉ hưởng thù lao kiêm nhiệm.

- Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

II. Mức thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Mức thưởng bao gồm hai phần:

a. *Phần thưởng ứng với đạt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận:* Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng từ 0,5% đến 1% lợi nhuận sau thuế và các khoản phải nộp khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. *Phần thưởng ứng với vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận:* Tổng mức thưởng cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và các khoản phải nộp khác trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc xét thưởng

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị xây dựng cụ thể tổng mức thưởng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua làm căn cứ thực hiện. Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao, thưởng cụ thể (nếu có) cho từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong giới hạn nêu trên

III. Ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước, Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua hợp đồng với người liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Xăng dầu HFC với nhà cung cấp đầu mối là Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên; Công ty TNHH Thái Minh Petro, Hội đồng Quản trị Công ty CP Xăng dầu HFC kính trình Đại hội thông qua các hợp đồng mua, bán, đầu tư, hợp tác kinh doanh với:

- Công ty Xăng dầu Khu vực I – Công ty TNHH Một thành viên với tổng trị giá các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản và giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất Công ty CP Xăng dầu HFC và nội dung giao dịch theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này;
- Công ty TNHH Thái Minh Petro với tổng trị giá các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản và giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất Công ty CP Xăng dầu HFC và nội dung giao dịch theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty xin cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính tuân thủ pháp luật của các hợp đồng này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

Doãn Đức Liêm

DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHẤP THUẬN

(Phụ lục đính kèm Tờ trình số:/2023/TT/HFC-HDQT ngày 28 /04/2023 của Hội đồng quản trị)

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Thời hạn hiệu lực ký kết hợp đồng
1	Công ty Xăng dầu Khu vực 1 – Công ty TNHH Một thành viên	Cổ đông Công ty	0100107564	Số 26 Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Mua xăng dầu; sản lượng 8.522.816 lít; giá trị 185.582.720.130 đồng	Từ 01/01/2023 đến ngày tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2024
2	Công ty TNHH Thái Minh Petro	Công ty con	0107453436	Số 7 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán xăng, dầu; sản lượng: 3.719.468 lít; giá trị 76.348.467.520 đồng	Từ 01/01/2023 đến ngày tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2024

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);
- Yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC kính trình Đại hội đồng cổ đông 2023 xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2023, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thông qua danh sách công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước) là Danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 kèm theo Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính và các Quyết định khác của Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung danh sách này trong năm 2023 (nếu có).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán phù hợp trong danh sách được Đại hội đồng cổ đông thông qua nên trên để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTtr/HFC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC kính trình ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với bà Đậu Ngọc Nhân, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 do có đơn xin từ nhiệm ngày 22/03/2023.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát cho phần còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 để đảm bảo số lượng thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty như sau:
 - Số lượng bổ sung thành viên Ban kiểm soát: 01 thành viên.
 - Danh sách ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát

Căn cứ vào nguyên tắc đề cử, ứng cử và tổng hợp kết quả tiếp nhận hồ sơ ứng viên tham gia ứng cử, Hội đồng quản trị trình Đại hội 01 ứng cử viên thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 là: Ông Phạm Văn Toàn.

Kèm theo Tờ trình này là Bản Thông tin cá nhân của ứng cử viên nói trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về Bản thân:

- Họ và tên khai sinh: **Phạm Văn Toàn**
- Họ và tên thường dùng: Phạm Văn Toàn
- Ngày tháng năm sinh: 14/09/1977
- Nguyên quán: Gia Lộc – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo sổ Hộ khẩu: P43, A5, TTQĐ, tổ 17, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Nơi thường trú hiện nay: P43, A5, TTQĐ, tổ 17, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số CCCD: 030077027408 Ngày cấp: 21/6/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

(Trường hợp là cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn góp của pháp nhân phải kê khai bổ sung thêm phần tên và địa chỉ và số đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân).

2. Quá trình hoạt động của bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
1996 - 6/2000	Sinh viên Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội	
9/2000- 2007	Công ty Luật Hà Nội	Luật sư tư vấn doanh nghiệp, đất đai, dân sự, hành chính
2008- 8/2022	Văn phòng Luật sư Havip, ngõ 76 Đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Luật sư tư vấn doanh nghiệp, đất đai, dân sự, hành chính
Tháng 9/ 2022 đến nay	Công ty cổ phần xăng dầu HFC.	Phụ trách pháp lý doanh nghiệp

- Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khóa học, thời gian đào tạo):
Như nêu phía trên
- Khen thưởng: Không có
- Kỳ luật: Không có
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: Tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị, tổ chức tín dụng khác: Không có
- Chức vụ đang giữ (nếu có): Phó ban Kế hoạch và Thị trường

3. Môi quan hệ gia đình: (ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột):

Vợ: Nguyễn Thị Hương sinh năm 1982 Vụ pháp luật – Ban NCTW

Con: Phạm Thùy Anh sinh 2009 Học sinh

Con: Phạm Thùy Dương sinh 2017 Học sinh

4. Số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Xăng dầu HFC:

- Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 0

- Số cổ phần sở hữu đại diện (Tên tổ chức là Nhà nước/Cổ đông chiến lược/Tổ chức khác): 0

- Số cổ phần của người liên quan nắm giữ: 0

5. Cam kết trước pháp luật:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TT/HFC-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”);
- Tình hình hoạt động thực tế của Công ty hiện nay.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xăng dầu HFC kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ, nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRƯỚC KHI CHÀO BÁN

- Tên gọi: **Công ty cổ phần xăng dầu HFC;**
- Tên giao dịch quốc tế: HFC PETROLEUM CORPORATION
- Tên viết tắt: HFC., CORP
- Địa chỉ: Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Vốn điều lệ: 81.981.050.000 đồng (*Tám mươi một tỷ chín trăm tám một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*)
- Số lượng cổ phần đã phát hành tính đến thời điểm hiện tại: 8.198.105 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành tính đến thời điểm hiện tại: 8.198.105 cổ phần.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về đợt chào bán:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần xăng dầu HFC;

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty cổ phần xăng dầu HFC;
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: HFC
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/1 cổ phiếu (*Mười nghìn đồng trên một cổ phiếu*);
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 2.000.000 cổ phần;
- Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 20.000.000.000 VND (*Hai mươi tỷ đồng*);
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán riêng lẻ: 101.981.050.000 đồng (*Một trăm lẻ một tỷ chín trăm tám một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);
- Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong năm 2023, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo chào bán của HFC.

2. Mục đích chào bán:

Bổ sung vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

3. Phương thức chào bán:

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược (dưới 100 nhà đầu tư)

4. Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán:

4.1 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022, theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị(VNĐ)
Vốn chủ sở hữu	1	60.844.758.713
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	3	0
Số cổ phần đã phát hành	4	8.198.105
Số cổ phiếu quỹ	5	0
Số cổ phần đang lưu hành	6	8.198.105

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách một cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{60.844.758.713}{8.198.105} = 7.422 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

4.2. Giá thị trường (giá bình quân của 60 phiên gần nhất tính đến ngày 22/03/2022): 6.250 đồng/1 cổ phần.

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
22/03/2023	8.0	22/02/2023	6.7	18/01/2023	4.6
21/03/2023	9.4	21/02/2023	6.7	17/01/2023	4.6
20/03/2023	9.4	20/02/2023	6.7	16/01/2023	4.6
17/03/2023	9.4	17/02/2023	6.7	13/01/2023	4.6
16/03/2023	9.3	16/02/2023	6.7	12/01/2023	4.6
15/03/2023	9.3	15/02/2023	6.7	11/01/2023	4.6
14/03/2023	9.3	14/02/2023	6.7	10/01/2023	4.6
13/03/2023	9.3	13/02/2023	6.7	09/01/2023	4.6
10/03/2023	9.3	10/02/2023	6.7	06/01/2023	4.6
09/03/2023	9.3	09/02/2023	5.9	05/01/2023	4.6
08/03/2023	8.8	08/02/2023	5.2	04/01/2023	4.6
07/03/2023	8.8	07/02/2023	4.6	03/01/2023	4.6
06/03/2023	8.8	06/02/2023	4.6	30/12/2022	4.6
03/03/2023	8.8	03/02/2023	4.6	29/12/2022	4.6
02/03/2023	8.3	02/02/2023	4.6	28/12/2022	4.6
01/03/2023	7.7	01/02/2023	4.6	27/12/2022	4.6
28/02/2023	7.7	31/01/2023	4.6	26/12/2022	5.2
27/02/2023	7.7	30/01/2023	4.6	23/12/2022	5.2
24/02/2023	7.7	27/01/2023	4.6	22/12/2022	5.2
23/02/2023	6.7	19/01/2023	4.6	21/12/2022	5.2

4.3. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông hiện hữu và tránh rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất xác định **giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000đ/1 cổ phiếu.**

5. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Để tham gia đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ của HFC, các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân **trong nước** phải đáp ứng đầy đủ toàn bộ các tiêu chí sau:

- Các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính tham gia mua cổ phần;
- Các tổ chức, cá nhân không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty;
- Các tổ chức, cá nhân có mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty;
- Có đơn đề nghị gửi về Ban tổ chức Đại hội, ít nhất 10 ngày trước ngày diễn ra Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trong đơn, thể hiện rõ đề nghị được mua cổ phần và có cam kết hợp tác với Công ty trong thời hạn 03 năm và sẽ tham gia mua tối thiểu số lượng cổ phiếu chào bán tương đương 5% vốn điều lệ hiện tại của Công ty; và tối đa không quá 2.000.000 cổ phần.

6. **Số lượng nhà đầu tư dự kiến:** dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

7. **Danh sách nhà đầu tư chiến lược dự kiến**

STT	Nhà đầu tư	Địa chỉ	ĐKKD/CMND	Mối quan hệ với Công ty	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối đa
1	Doãn Đức Liêm	Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	031072000007	Chủ tịch HĐQT	0	1.000.000
2	Nguyễn Hữu Yên	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	001073010337	Tổng giám đốc	0	1.000.000

8. **Hạn chế chuyển nhượng:**

Cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chiến lược kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

9. **Phương thức xử lý cổ phần không phân phối hết:**

Trường hợp nhà đầu tư chiến lược trên không đăng ký mua hết, hết thời hạn chào bán số lượng cổ phần không được đăng ký mua sẽ bị hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán.

10. **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

- Theo công văn số 1750/UBCK-PTTT ngày 05/05/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện tại là 0% căn cứ trên Danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2023.
- Do đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2023 chỉ chào bán cho nhà đầu tư chiến lược trong nước nên việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành.

11. **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	Bổ sung vốn kinh doanh (Mua hàng hóa xăng dầu)	20.000.000.000	Dự kiến quý IV/2023
	Tổng tiền	20.000.000.000	

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán trên có thể được điều chỉnh linh hoạt giữa các hoạt động kinh doanh của Công ty, căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động được từ đợt chào bán:
Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động phần vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ THEO QUY MÔ VỐN MỚI TĂNG THÊM SAU KHI HOÀN TẤT ĐỢT CHÀO BÁN

Cập nhật, sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần cổ phiếu tại phụ lục 01 được quy định tại điều 8 đính kèm với Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cập nhật theo Vốn điều lệ sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu.

IV. LƯU KÝ VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BỔ SUNG CỔ PHIẾU CHÀO BÁN THÊM

Toàn bộ số phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn tất đợt phát hành.

V. ỦY QUYỀN

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm chào bán;
- Trường hợp nhà đầu tư chiến lược trên không đăng ký mua hết, hết thời hạn chào bán số lượng cổ phần không được đăng ký mua sẽ bị hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán;
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Thông qua, điều chỉnh phương án và thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án chào bán theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;

- Cập nhật, sửa đổi các điều khoản nội dung liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần cổ phiếu tại phụ lục 01 được quy định tại điều 8 đính kèm với Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cập nhật theo Vốn điều lệ sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn thành đợt chào bán;
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành; và các công việc khác có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TTr/HFC-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15, trong đó có sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2022. Cùng với Luật chứng khoán 2019 bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Luật sửa đổi nhằm hoàn thiện hơn nữa khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp, đồng thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị HFC nhận thấy một số điều khoản tại các văn bản này cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Đính kèm Tô trình số/... v/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Quy định tại Điều lệ sửa đổi" là phần **gạch chân, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Nghị định 155/2020/ND – CP là Nghị định số 155/2020/ND – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nd-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Quy định tại điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào <u>ngày 25 tháng 06 năm 2021</u> .	Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày <u>ngày 28 tháng 04 năm 2023</u> .	Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ

<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÓ ĐỒNG</p> <p>Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 141 luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÓ ĐỒNG</p> <p>Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 145 luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÓ ĐỒNG</p> <p>Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 145 luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÓ ĐỒNG</p> <p>Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 145 luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÓ ĐỒNG</p> <p>Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 145 luật Doanh nghiệp và điểm a khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>
<p>Điều 27. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều 27. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>
<p>3. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết <u>của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</p>	<p>3. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết <u>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</p>
<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết <u>của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.</p>	<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết <u>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.</p>
<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>
<p>Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>

Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 và khoản 2 Điều 68 Điều lệ Công ty

Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 và khoản 2 Điều 68 Điều lệ Công ty

<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và lĩnh kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và lĩnh kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p>	<p>Xóa bỏ quy định làm tròn xuống số lượng thành viên HĐQT không điều hành để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ</p>	<p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với khoản 4 Điều 29 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BT</p> <p>Cập nhật STT</p>

<p>tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	<p>tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
<p>Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp <u>nếu Điều lệ công ty không quy định khác</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p>Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p>Loại bỏ diễn đạt dè phù hợp với cách diễn đạt theo điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất <u>nếu Điều lệ công ty không quy định khác</u>. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Loại bỏ diễn đạt dè phù hợp với cách diễn đạt theo điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

<p>hợp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự hợp.</p>	<p>12. <u>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác</u>, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự hợp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự hợp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Loại bỏ diễn đạt để phù hợp với cách diễn đạt theo điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p>	<p>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p>	
<p>Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét của Công ty phải được công bố trên website của Công ty</p>	<p>Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét của Công ty phải được công bố trên website của Công ty <u>theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p>	<p>Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét của Công ty phải được công bố trên website của Công ty</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 2 và 3 Điều 55 điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, cập nhật STT</p>
<p>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	<p>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	<p>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p>	
<p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p>	<p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p>	<p>Điều 69. Ngày hiệu lực</p>	

<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2023.</p>	<p>Bổ sung thời gian thông qua Điều lệ</p> <p>Bổ sung thời gian thông qua Điều lệ</p>
<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số điều chỉnh thuật ngữ viết tắt “HDQT” thành thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị” có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản. - Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản. 		

DỰ THẢO

CÔNG TY CP XĂNG DẦU HFC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2023/TT/HFC-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc *Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (“Điều lệ Công ty”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty như sau:

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế mẫu ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Hội đồng quản trị đã thực hiện các sửa đổi, bổ sung đối với Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định dành cho Công ty đại chúng. Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung về Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty được trình bày lần lượt tại Phụ lục đính kèm tờ trình này

Các quy định của Quy chế này được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế này theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Xăng dầu HFC;
- HDQT, BKS, BTGD;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Đức Liêm

DỰ THẢO

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đính kèm Tờ trình số/... v/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân, in đậm.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Quy định tại Điều lệ sửa đổi" là phần in đậm.
- Luật Doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nd-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị bổ sung	Lý do sửa đổi
	Điều 7. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	Bổ sung quy định về việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự

<p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại điểm a khoản 1 điều 6 Quy chế này</p>	<p>và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định tại khoản 13 điều 1 Nghị định 128/2021/ND-CP sửa đổi Điều 15 Nghị định 156/2020/ND-CP, Khoản 4, điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu, Phụ lục II ba hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC và thực tế việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác tại các công ty đại chúng tại Việt Nam</p>
<p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 điều 6 Quy chế này. b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 điều 6 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	
<p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi</p>	

	<p>cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.</p>
	<p>4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử</p> <p>a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại diện cổ đông phải có trách</p>

	<p>nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.</p> <p>b) Khi Cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.</p> <p>c) Cổ đông/ đại diện cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p>
	<p>5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình</p>

thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

a) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

b) Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi giấy ủy quyền được lập đúng theo quy định của pháp luật dân sự và được lập thành bản cứng, có đầy đủ các nội dung như quy định tại khoản 2 điều 22 Điều lệ Công ty.

c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

d) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử

	<p>với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p> <p>e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng .</p>
	<p>6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Cách thức ghi nhận cổ đông/đại diện cổ đông dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.</p>
	<p>7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy</p>

định chi tiết trong Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

b) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.

- Khi bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Khi bỏ phiếu bầu cử trực tuyến: Việc giới thiệu ứng viên, bỏ phiếu bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết/bầu cử theo cách thức trực tiếp hoặc trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

	<p>8. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>a) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cử đồng dự họp.</p> <p>b) Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cử đồng, cử đồng có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cử đồng không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cử đồng được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cử phần khi kiểm phiếu.</p> <p>c) Cử đồng có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.</p> <p>d) Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cử đồng yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cử đồng không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.</p>
	<p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>

<p>Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>10. Thảo luận tại hội nghị trực tuyến</p> <p>Nguyên tác:</p> <p>Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền mới được tham gia thảo luận;</p> <p>Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;</p> <p>Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.</p> <p>Hình thức thảo luận cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.</p> <p>Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.</p>
---	--

	<p>c) Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/Đại diện cổ đông: Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/Đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/Đại diện cổ đông. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp đến cổ đông bằng hình thức phù hợp</p>
	<p>11. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 9 Điều 6 Quy chế này.</p> <p>b) Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.</p>
	<p>12. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 12 điều 6 Quy chế này.</p>
	<p>13. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>

<p>Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại khoản 13 điều 6 Quy chế này.</p>	
<p>14. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp như quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>15. Cách thức phân đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cách thức phân đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 6 Quy chế này.</p>	
<p>Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p>
<p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và các hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không</p>	<p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và các hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không</p> <p>Xóa bỏ quy định làm tròn xuống số lượng thành viên HĐQT không điều hành để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 276 Nghị định</p>

<p>điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành.</p>	<p>155/2020/ND-CP và khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số điều chỉnh thuật ngữ viết tắt “HDQT” thành thuật ngữ đầy đủ “Hội đồng quản trị” có thể được tự động thay đổi mà không được đề cập trong Phụ lục này nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản. - Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản. 		

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

DỰ THẢO

HFC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số..... /NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội
đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)*

HÀ NỘI – THÁNG 4/2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	9
Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty.....	9
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 9. Chứng nhận Cổ phiếu.....	10
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần	11
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 12. Chào bán cổ phần	11
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	12
Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	13
Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	14
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
Điều 18. Quyền của cổ đông.....	14
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Thay đổi các quyền	21
Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 27. Điều kiện đề nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 31. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	33
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	37
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý	37
Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành công ty	38
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
Điều 43. Thư ký Công ty	39
Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty	39
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 46. Thành phần Ban Kiểm soát	40
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	41
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 48. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan.....	42
Điều 49. Trách nhiệm cạnh tranh.....	43
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	45
Điều 53. Công nhân viên và công đoàn	45

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 54. Phân phối lợi nhuận.....	46
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	46
Điều 55. Tài khoản ngân hàng.....	46
Điều 56. Năm tài chính.....	47
Điều 57. Chế độ kế toán.....	47
Điều 58. Kiểm toán.....	47
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	47
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	47
Điều 60. Báo cáo thường niên.....	48
CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 61. Nghĩa vụ Công bố thông tin.....	48
Điều 62. Người công bố thông tin.....	49
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	49
Điều 63. Dấu của doanh nghiệp.....	49
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN	49
Điều 64. Chấm dứt hoạt động.....	49
Điều 65. Thanh lý.....	49
Điều 66. Phá sản.....	50
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc việc tiến hành các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày vào ngày 28 tháng 04 năm 2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Công ty" được quy định trong Điều lệ này là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - b. "Cổ đông sáng lập" có nghĩa là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - e. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - g. "Người quản lý công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữa chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ.
 - h. "Người điều hành" có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - n. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
- Tên tiếng Anh : HFC PETROLEUM CORPORATION
- Tên giao dịch : HFC PETROLEUM CORPORATION
- Tên viết tắt : HFC., CORP

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Tầng F3, tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 3978 0731
- Fax : 024 3978 2341
- Email : hfc@hanoifuel.com.vn
- Website : www.hanoifuel.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện pháp luật của Công ty đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	4661 (Chính)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
2	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
4	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
5	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: sãm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): sãm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác. Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
6	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
7	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
8	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
9	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng;
10	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)

11	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
12	5629	Dịch vụ ăn uống khác
13	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
14	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;
15	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
16	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
17	9312	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
18	9319	Hoạt động thể thao khác
19	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
20	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
21	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
22	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
23	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
24	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
25	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
26	4632	Bán buôn thực phẩm
27	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
28	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
29	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
30	6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Chi tiết: Đại lý bảo hiểm; Môi giới bảo hiểm <i>(Điều 84, Điều 89 Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000)</i>

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nêu tại điểm 1 Điều này và các ngành nghề khác phù hợp với Luật doanh nghiệp nhằm tối đa các nguồn lợi nhuận của Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty. Thực hiện nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Công ty Cổ phần xăng dầu HFC tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần xăng dầu HFC là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê theo đề xuất của Hội đồng quản trị, là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm.

Điều 7. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; hoặc phát hành cổ phiếu để hoán đổi nhằm hợp nhất, sáp nhập. Trong trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi và/ đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo

- qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.
 4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.
 5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.
3. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
5. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
6. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải trả phí theo quy định của Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu (10.000.000) Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng

dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung thông tin về mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.
6. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành khi có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 12. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - c. Chào bán cổ phần ra công chúng.
3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112

Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất huy động mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần

được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

- b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

- h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về

- quyết định vượt quá thẩm quyền.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
 7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
5. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá

nhân khác;

- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- 8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của công ty để giải trình các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo năm được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày (60 ngày), kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký tối thiểu của một cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3

Điều này.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét cần thiết;
- k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- q. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.
- r. r. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng quản trị có quyền thông qua.
- s. Quyết định các hợp đồng và chấp thuận giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người

quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- t. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
 - u. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - v. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Công

- ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - f. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - g. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
 - i. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước (đối với công ty niêm yết, đăng ký giao dịch. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp hoặc được thống nhất bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nếu tỷ lệ tán thành tối thiểu là 65% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập cuộc họp có quyền huỷ cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết.

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) trên đó ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - b. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Trong trường hợp này, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/NĐ-CP.

Điều 27. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
3. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f. Việc đề xuất nội dung vào chương trình họp tại Đại hội đồng cổ đông của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 5 và khoản 7 Điều này.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trình tự, thủ tục bầu đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội

- đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải gửi và công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý (Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác) của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết
 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm toán nội bộ hoặc thư ký công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tất cả các phụ lục đính kèm khác (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 31. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời

- điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và lĩnh kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.
8. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
9. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều

- lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
6. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.
7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

(Điều 157 của Luật Doanh nghiệp)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong

thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu tham dự để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 48 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
14. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
 - c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà

Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

15. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
16. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
18. Biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định theo Điều 158 của Luật doanh nghiệp.

Điều 39. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Các tiểu ban này phụ trách về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng đảm bảo tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ
CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có một Tổng Giám đốc và một hoặc một số Phó Giám Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
6. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo qui định tại khoản 3 điều này;
 - b. Có đơn xin từ chức;
 - c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 43. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty.
Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, một nhiệm kỳ là năm (05) năm và Người phụ trách quản trị công ty có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 46. Thành phần Ban Kiểm soát

- 1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - f. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - g. Được cung cấp thông tin theo Điều 171 của Luật Doanh nghiệp
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch

được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ – công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị,

Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện;
7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
8. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ

pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp các biên bản, nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 53. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến

- việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
 3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của Pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản

tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Kiểm toán

1. Công ty kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua một danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế

- có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét của Công ty phải được công bố trên website của Công ty theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Nghĩa vụ Công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.
2. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:
 - Trang thông tin điện tử (Website) của công ty: www.hanoifuel.com.vn
 - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước; các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán;
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
3. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường khi có phát sinh các sự kiện thuộc diện phải công bố thông tin bất thường theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình quản trị công ty, báo cáo thường niên theo quy định Pháp luật.

Điều 62. Người công bố thông tin

Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo Pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 63. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 64. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao

- động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 66. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
- 3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
- 4. Trường hợp bế tắc trong giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông dẫn tới việc Công ty không thể tiếp tục hoạt động, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
 - b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xăng dầu HFC nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2023.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Điều lệ này được lập thành hai (02) bản, có giá trị như nhau.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Chi tiết vốn điều lệ Công ty

STT	THÁNG	VỐN ĐIỀU LỆ	GHI CHÚ
1	9/2006	21.000.000.000 VND	Cổ phần hóa
2	4/2017	60.899.990.000 VND	Tăng vốn do phát hành cổ phiếu
3	7/2019	64.553.350.000 VND	Tăng vốn do phát hành cổ phiếu (phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu)
4	4/2021	81.981.050.000 VND	Tăng vốn do phát hành cổ phiếu (phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi)

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập vào ngày thành lập Công ty

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMND/HC – ĐKKD	Tổng số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (tại thời điểm thành lập)
1					
1.1					
1.2					
2					

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

DỰ THẢO

HFC

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ/ĐHĐCĐ ngày...tháng...năm 2023 của Đại hội
đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC)*

HÀ NỘI, THÁNG....., 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	4
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn.....	5
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	5
Điều 7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập.....	8
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	12
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	12
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	14
Điều 13. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	14
Điều 14. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	15
Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 19. Thủ lao của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	18
CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN	18
Điều 22. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên.....	18
Điều 23. Tư cách kiểm soát viên.....	18
Điều 24. Thành phần Ban kiểm soát	19
Điều 25. Quyền của kiểm soát viên	19
Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	19
Điều 27. Cuộc họp của Ban kiểm soát	19

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Điều 28. Thù lao của Ban kiểm soát	19
CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH	19
Điều 29. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành.....	19
Điều 30. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành	20
Điều 31. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành.....	20
CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	20
Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác	21
Điều 33. Giao dịch với các bên có liên quan	21
Điều 34. Giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan Công ty khi tiến hành giao dịch với các bên có liên quan phải thực hiện theo nguyên tắc sau:	21
Điều 35. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.....	22
CHƯƠNG VII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	22
Điều 36. Đào tạo về quản trị công ty	22
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH. 22	22
Điều 37. Nguyên tắc phối hợp	22
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành.....	22
CHƯƠNG IX - BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	23
Điều 39. Nghĩa vụ công bố thông tin	23
Điều 40. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	23
Điều 41. Công bố thông tin về quản trị công ty	23
Điều 42. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.....	24
Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.....	24
Điều 44. Tổ chức công bố thông tin.....	24
Điều 45. Giám sát.....	24
Điều 46. Xử lý vi phạm.....	24
CHƯƠNG XI - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	25
Điều 47. Sửa đổi bổ sung	25
Điều 48. Hiệu lực thi hành	25

CĂN CỨ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, sửa đổi bởi luật số 03/2022/QH15 ngày 22 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.../.../NQ-ĐHĐCĐ ngày...tháng...năm 2023.
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu HFC
Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Xăng dầu HFC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản trị công ty: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan..

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC;
 - b. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị của Công ty;
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành;
- e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- f. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- g. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- h. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty: Quy định về Kiểm toán nội bộ; Quy định quản trị rủi ro; Quy trình kiểm soát nội bộ; Quyết định phân cấp thẩm quyền tài chính; Quy chế quản trị các đơn vị thành viên.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo các hình thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
 - b. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.
 - c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.
 - d. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

5. Chương trình, nội dung Đại hội

a. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 24 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

8. Thẻ thức tiến hành và họp biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

a. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

b. Cách thức bỏ phiếu:

Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

c. Cách thức kiểm phiếu

Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đếm riêng. Tổng số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và bỏ vào thùng phiếu được niêm phong đặt tại phòng họp để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

Khi cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trực tuyến số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bỏ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bỏ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

d. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

9. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản a Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

11. Hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

12. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

13. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

14. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

15. Công ty quy định trong Điều lệ công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại điểm a khoản 1 điều 6 Quy chế này

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 điều 6 Quy chế này.

b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 điều 6 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

c) Cổ đông phải chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được Công ty thông báo.

4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/đại diện cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b) Khi Cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c) Cổ đông/ đại diện cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

a) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

b) Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi giấy ủy quyền được lập đúng theo quy định của pháp luật dân sự và được lập thành bản cứng, có đầy đủ các nội dung như quy định tại khoản 2 điều 22 Điều lệ Công ty.

c) Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

d) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

e) Cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông/đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

b) Cách thức ghi nhận cổ đông/đại diện cổ đông dự họp theo hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.

7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

b) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.

– Khi bỏ phiếu biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

– Khi bỏ phiếu bầu cử trực tuyến: Việc giới thiệu ứng viên, bỏ phiếu bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và trực tuyến, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết/bầu cử theo cách thức trực tiếp hoặc trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức họp và Quy chế bầu cử của mỗi cuộc họp.

8. Cách thức kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.

b) Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì các phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết và không được tính vào tổng số cổ phần khi kiểm phiếu.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận và sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng trước thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

d) Đối với những trường hợp cần thiết và nếu cổ đông yêu cầu, đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

10. Thảo luận tại hội nghị trực tuyến

a) Nguyên tắc:

– Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

– Chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền mới Được tham gia thảo luận;

– Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

– Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

– Hình thức thảo luận cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức họp của mỗi cuộc họp.

b) Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử tới Ban thư ký Đại hội.

c) Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/đại diện cổ đông: Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/đại diện cổ đông. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp đến cổ đông bằng hình thức phù hợp.

11. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 9 Điều 6 Quy chế này.

b) Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

12. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 12 điều 6 Quy chế này.

13. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại khoản 13 điều 6 Quy chế này.

14. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp như quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

15. Cách thức phân đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phân đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 6 Quy chế này.

Điều 8. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Trường hợp Cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thực hiện báo cáo hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 32 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Cách thức giới thiệu thêm ứng viên thành viên Hội đồng quản trị
Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 34 Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 8 Điều 34 của Điều lệ công ty
Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Công ty cấm hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty đại chúng khác.

Điều 13. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, chứng khoán và các hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành..
3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.

Điều 14. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ công ty

Điều 15. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo Quy định tại Điều 48 của Điều lệ công ty.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị được nhân danh Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị theo quy định cụ thể của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
 - b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành:
 - Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
 - Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
 - Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;
 - Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 9 Điều 38 của Điều lệ công ty.
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị thảo luận và thông qua nghị quyết về những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - b. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
 - d. Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
 - e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

Biên bản họp Hội đồng quản trị:

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
6. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
7. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
9. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
10. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 20. Thủ lao của Hội đồng quản trị

Thủ lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ công ty.

Điều 21. Thư ký công ty

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty.
3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 22. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Tư cách kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 25. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty là ba (03) thành viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 26. Quyền của kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của các kiểm soát viên.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 29. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm, các kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V. BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 30. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Ban điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.
3. Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Kế toán trưởng của Công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - b. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp.

Điều 31. Thẩm quyền của thành viên Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc.
3. Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác theo quy định tại Khoản 50 của Điều lệ công ty.

Điều 34. Giao dịch với các bên có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 35. Giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan Công ty khi tiến hành giao dịch với các bên có liên quan phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến cổ đông đó, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.
2. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh đối với cho các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - b. Các cá nhân liên quan đến các đối tượng nêu tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - c. Các tổ chức liên quan đến các thành viên nêu tại điểm a khoản 2 Điều này ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.
3. Giao dịch giữa công ty với một đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, giao dịch này phải được xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.
4. Công ty phải công bố thông tin khi tiến hành giao dịch với các đối tượng liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác như sau:
 - a. Người có liên quan của các thành viên nêu trên là tổ chức tín dụng, các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.

- b. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
- c. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
- d. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

- 1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
- 2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
- 3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VII. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 37. Đào tạo về quản trị công ty

Công ty tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 38. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên HĐQT được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp HĐQT.
4. Các chương trình/ dự án nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 40. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 41. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 42. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 43. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty

Tiền lương của Tổng Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (01) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 45. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b. Thực hiện công bố thông tin theo điều 61 của Điều lệ công ty;
2. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty có thể ủy quyền công bố thông tin cho một cán bộ quản lý.

Người ủy quyền công bố thông tin là người

- a. Có kiến thức về kế toán tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
- d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X. GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 46. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Xử lý vi phạm

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm XI chương, 49 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC thống nhất thông qua theo Nghị quyết số NQ/ĐHDCĐ/..... ngày ... tháng ... năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
CHỦ TỊCH HĐQT

Doãn Đức Liêm